



Tuyên Quang, ngày tháng năm 2020

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chức danh, bố trí số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Sở Nội vụ kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chức danh, bố trí số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định chức danh, bố trí số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (gọi tắt là Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND)

Thực hiện Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND, cấp ủy Đảng, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện việc bố trí số lượng, chức danh và thực hiện chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ

dân phố theo đúng quy định. Việc sắp xếp, bố trí số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách đã giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo hướng tinh gọn, hợp lý, nâng cao thu nhập cho cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở; phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư. Tuy nhiên, sau một năm thực hiện Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND có một số khó khăn, vướng mắc sau:

1.1. Tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND quy định các chức danh Thôn đội trưởng, Công an viên, Bảo vệ dân phố, Nhân viên y tế được hưởng mức phụ cấp theo Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh; tuy nhiên, không quy định việc bố trí kiêm nhiệm, mức phụ cấp kiêm nhiệm của những chức danh này; trên thực tế một số địa phương vẫn bố trí người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm. Do đó, khó khăn cho công tác quản lý và thực hiện chế độ chính sách của địa phương.

1.2. Theo quy định tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND, cấp trưởng của 4 tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố gồm Chi hội Phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh không được hưởng hỗ trợ kinh phí hoạt động mà được hưởng mức bồi dưỡng khi tham gia trực tiếp công việc của thôn, tổ dân phố, mức hưởng quy định tối thiểu 25.000 đồng/người/buổi từ nguồn kinh phí khoán cho thôn, tổ dân phố và nguồn quỹ khác các tổ chức chính trị - xã hội; trong khi mức khoán cho hoạt động của thôn, tổ dân phố thấp, không đảm bảo để chi hỗ trợ cho cấp trưởng các tổ chức, vì vậy, hiệu quả cũng như chất lượng hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội ở thôn, tổ dân phố còn nhiều hạn chế. Cử tri có ý kiến, kiến nghị hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố.

2. Để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc của cơ sở khi thực hiện Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND, đồng thời thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở; phát huy vai trò tự quản ở cộng đồng dân cư, việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND Quy định chức danh, bố trí số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây gọi tắt là Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND) là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích

Đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, các công việc của thôn, tổ dân phố đều có người đảm nhiệm; phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư, tăng thu nhập và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

2. Quan điểm chỉ đạo

Đảm bảo tính thống nhất, phù hợp với Hiến pháp, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Khắc phục khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện, đảm bảo tính kế thừa và phát triển các quy định của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND, phù hợp với pháp luật hiện hành và tình hình thực tiễn của địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Ngày 21/7/2020, Sở Nội vụ đã có Văn bản số 484/SNV-XDCQ&CTTN đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị liên quan đánh giá việc thi hành Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND. Trên cơ sở báo cáo đánh giá và kiến nghị, đề xuất của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan, Sở Nội vụ đã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 466/BC-SNV ngày 06/10/2020 kết quả thực hiện Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh, trong đó đã đánh giá những ưu điểm, hạn chế khi thực hiện Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND. Để giải quyết khó khăn, vướng mắc qua một năm thực hiện Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND, Sở Nội vụ đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND (Tờ trình số 440/TTr-SNV ngày 10/11/2020). Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo nghị quyết tại Văn bản số 3679/UBND-NC ngày 23/11/2020:

Quá trình soạn thảo, đã tổ chức nghiên cứu chủ trương, đường lối của Đảng, các quy định của pháp luật hiện hành, phân cấp của Chính phủ về quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố: Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND đã được gửi đến Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử, các cơ

quan, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố để lấy ý kiến tham gia; kết quả Sở Nội vụ đã nhận được văn bản tham gia của 28/35 cơ quan, đơn vị. Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử không nhận được ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức và nhân dân từ hệ thống tiếp nhận thông tin. Trong đó: 28/28 cơ quan, đơn vị nhất trí về sự cần thiết ban hành và nội dung dự thảo Nghị quyết; 07/28 cơ quan, đơn vị đề nghị phương án 1; 01/28 ý kiến đề nghị tăng mức bồi dưỡng cho cấp trưởng 4 tổ chức chính trị - xã hội từ 150.000 đồng/người/tháng lên 180.000 đồng/người/tháng đến 200.000 đồng/người/tháng.

Ngày 02/12/2020, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang đã tổ chức Hội nghị phản biện. Hội nghị nhất trí cao việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 01/2019/NQHĐND; Tại Hội nghị có 11 ý kiến tham gia phản biện đều nhất trí về sự cần thiết ban hành và nội dung dự thảo Nghị quyết; nhất trí đề nghị thực hiện theo phương án 1 và đề nghị tăng mức hỗ trợ từ 150.000 đồng/người/tháng lên 200.000 đồng/người/tháng; Đề nghị xem xét có chính sách hỗ trợ đối với Phó Chủ tịch Hội người cao tuổi ở cấp xã và Chi hội trưởng Hội người cao tuổi ở thôn, tổ dân phố. Sở Nội vụ đã nghiên cứu, phân tích, tiếp thu có chọn lọc các ý kiến tham gia, để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

Ngày 09/12/2020, Sở Nội vụ có Văn bản số 1077/SNV-XDCQ&CTTN đề nghị Sở Tư pháp thẩm định; đồng thời tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (tại Báo cáo số...../BC-STP ngày/...../2020), chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 03 điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2019/HĐND

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Điều 3. Hiệu lực thi hành

2. Nội dung cơ bản dự thảo Nghị quyết

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định chức danh, bố trí số lượng, mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã); mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức phụ cấp của từng chức danh; mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc

của thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động và sử dụng kinh phí khoán đối với thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Những nội dung không được quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

d) Những người thường xuyên trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố, gồm: Chi hội trưởng Phụ nữ, Chi hội trưởng Hội Nông dân, Bí thư Chi đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội trưởng Hội Cựu Chiến binh; Thôn đội trưởng, Công an viên, Bảo vệ dân phố, Nhân viên y tế (gọi tắt là chức danh khác).

đ) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan”.

2.2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

a) Bổ sung tên Điều 4 như sau:

“Điều 4. Số lượng, chức danh, mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với chức danh khác”.

b) Bổ sung khoản 2a vào Điều 4 như sau:

“2a. Bố trí kiêm nhiệm chức danh

a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm một chức danh người hoạt động không chuyên trách hoặc kiêm nhiệm một chức danh khác ở thôn, tổ dân phố;

b) Chức danh khác không phải là người hoạt động không chuyên trách được kiêm nhiệm một chức danh khác ở thôn, tổ dân phố”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Mức phụ cấp kiêm nhiệm:

Các trường hợp kiêm nhiệm tại khoản 2a Điều 4 Nghị quyết này mà giảm được 01 người, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì được hưởng 70% hệ số phụ cấp hoặc mức bồi dưỡng của chức danh kiêm nhiệm.

2.3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

A. PHƯƠNG ÁN 1

“Điều 5. Mức khoán kinh phí hoạt động và sử dụng kinh phí khoán; mức bồi dưỡng người thường xuyên trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố;

1. Mức khoán kinh phí hoạt động đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên hoặc thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự là 10.000.000 đồng/năm/thôn; thôn, tổ dân phố còn lại là 9.000.000 đồng/năm/thôn (tổ dân phố).

2. Sử dụng kinh phí khoán

a) Chi bồi dưỡng cho người thường xuyên trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố 150.000/người/tháng;

b) Chi bồi dưỡng cho người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố (trừ những người quy định tại điểm a khoản 2, điều này, những người được hưởng phụ cấp hằng tháng từ ngân sách nhà nước) 50.000 đồng/người/buổi;

c) Chi các hoạt động khác”.

*** Ưu điểm:**

- Mức khoán kinh phí cho hoạt động của thôn, tổ dân phố cao hơn so với quy định của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 (Trong đó đã bao gồm mức chi cho cấp trưởng 4 tổ chức chính trị xã hội ở thôn, tổ dân phố).

- Quy định rõ ràng việc sử dụng nguồn kinh phí khoán, tạo điều kiện cho cơ sở trong tổ chức thực hiện;

- Mức chi cho cấp trưởng 4 tổ chức chính trị ở cơ sở đảm bảo thống nhất giữa các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh;

- Mức chi cho người trực tiếp tham gia công việc của thôn cao hơn so với quy định của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 (50.000 đồng/người/buổi so với 25.000 đồng/người/buổi).

*** Tác động**

Ngân sách địa phương tăng 10.389.000.000 đồng/năm so với quy định của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019.

B. PHƯƠNG ÁN 2

“Điều 5. Mức khoán kinh phí hoạt động và sử dụng kinh phí khoán; mức bồi dưỡng người thường xuyên trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố;

Mức khoán kinh phí hoạt động đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên hoặc thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự là 10.000.000 đồng/năm/thôn; thôn, tổ dân phố còn lại là 9.000.000 đồng/năm/thôn (tổ dân phố); người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố (trừ những người đã được hưởng phụ cấp hằng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc đã được hưởng hỗ trợ) tối thiểu 50.000 đồng/người/buổi;

*** Ưu điểm:**

- Thôn, tổ dân phố chủ động sử dụng nguồn kinh phí khoán cho hoạt động.

- Mức chi cho người trực tiếp tham gia công việc của thôn cao hơn so với quy định của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 (50.000 đồng/người/buổi so với 25.000 đồng/người/buổi).

*** Tác động:**

- Không quy định rõ ràng việc sử dụng nguồn kinh phí khoán, khó khăn cho cơ sở trong tổ chức thực hiện;

- Không đảm bảo thống nhất giữa các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh trong thực hiện mức chi cho cấp trưởng 4 tổ chức chính trị ở cơ sở;

- Ngân sách địa phương tăng 10.389.000.000 đồng/năm so với quy định của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019.

3. Giao cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

4. Hiệu lực thi hành.

V. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

1. Về hỗ trợ đối với Phó Chủ tịch Hội người cao tuổi ở cấp xã và Chi hội trưởng Hội người Cao tuổi ở thôn, tổ dân phố

1.1. Tại Báo cáo số 749/MTTQ-BTT ngày 03/12/2020 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh về việc phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị:

Xem xét bổ sung chức danh Chi hội trưởng Hội người cao tuổi ở thôn, tổ dân phố; mức phụ cấp hàng tháng đối với Phó Chủ tịch Hội người cao tuổi ở cấp xã và Chi hội trưởng Hội người cao tuổi ở thôn, tổ dân phố.

1.2. Tại Văn bản số 2050/STC-QLNS ngày 08/12/2020 của Sở Tài chính về việc tham gia ý kiến vào dự thảo văn bản đề nghị xem xét, nghiên cứu bổ sung hỗ trợ đối với Chi hội trưởng Chi hội Người cao tuổi ở thôn, tổ dân phố.

Sở Nội vụ nhận thấy

Căn cứ Điều 29 Luật Người cao tuổi năm 2009, quy định trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang bộ, giao "*Bộ Nội vụ chủ trì phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ nghiên cứu trình Chính phủ ban hành về tổ chức, chế độ, chính sách đối với người làm công tác người cao tuổi*". Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại chưa có quy định, hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương để thực hiện. Sở Nội vụ đề nghị sẽ thực hiện khi có quy định của Trung ương.

Mặt khác qua nghiên cứu quy định của một số tỉnh: Cao Bằng, Phú Thọ, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hòa Bình, Yên Bái, Hải Dương các tỉnh chưa quy định về tổ chức, chế độ, chính sách đối với người làm công tác người cao tuổi.

Hơn nữa, việc chỉ chi cho Chi hội trưởng Chi hội Người cao tuổi ở thôn, tổ dân phố nhưng không chi hỗ trợ đối với Phó Chủ tịch Hội Người cao tuổi ở cấp xã (theo đề xuất của Sở Tài chính) sẽ tạo sự thiếu công bằng đối với những người cùng thực hiện nhiệm vụ chăm sóc người cao tuổi ở cơ sở; hạn chế đến việc phát huy vai trò của người làm công tác Người cao tuổi; dễ phát sinh đơn thư, kiến nghị, đề nghị và ảnh hưởng đến hiệu lực hiệu quả quản lý của chính quyền cơ sở.

2. Về mức chi cho cấp trưởng 4 tổ chức chính trị - xã hội:

Báo cáo số 749/MTTQ-BTT ngày 03/12/2020 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh đề nghị nâng mức chi cho cấp trưởng 4 tổ chức chính trị - xã hội từ 150.000 đồng/người/tháng lên 200.000 đồng/người/tháng.

Sở Nội vụ nhận thấy: Kinh phí Trung ương khoán không bao gồm chi cho cấp trưởng của 4 tổ chức chính trị - xã hội; việc chi hỗ trợ cho đối tượng này thuộc ngân sách của địa phương cân đối. Vì vậy, mức chi cho cấp trưởng của 4 tổ chức

chính trị - xã hội 150.000 đồng/người/tháng là phù hợp với tình hình ngân sách của địa phương.

3. Về lựa chọn phương án thực hiện

3.1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và 07 cơ quan (Sở Giao thông vận tải, Công an tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang và các huyện: Sơn Dương, Na Hang, Hàm Yên) đề nghị lựa chọn phương án 1:

“Điều 5. Mức khoán kinh phí hoạt động và sử dụng kinh phí khoán; mức bồi dưỡng người thường xuyên trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố;

1. Mức khoán kinh phí hoạt động đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên hoặc thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự là 10.000.000 đồng/năm/thôn; thôn, tổ dân phố còn lại là 9.000.000 đồng/năm/thôn (tổ dân phố).

2. Sử dụng kinh phí khoán

a) Chi hỗ trợ cho cấp Trưởng của tổ chức chính trị xã hội ở thôn, tổ dân phố 150.000/người/tháng;

b) Chi bồi dưỡng cho người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố (trừ những người đã được hưởng phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc đã được hưởng hỗ trợ) tối thiểu 50.000 đồng/người/buổi;

c) Chi các hoạt động khác”.

3.2. Tại Văn bản số 1101/STP-XDKTTHPL&PBGDPL ngày 06/12/2020 của Sở Tư pháp về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết đề nghị lựa chọn phương án 2:

“Điều 5. Mức khoán kinh phí hoạt động và sử dụng kinh phí khoán; mức bồi dưỡng người thường xuyên trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố;

Mức khoán kinh phí hoạt động đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên hoặc thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự là 10.000.000 đồng/năm/thôn; thôn, tổ dân phố còn lại là 9.000.000 đồng/năm/thôn (tổ dân phố); người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố (trừ những người đã được hưởng phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc đã được hưởng hỗ trợ) tối thiểu 50.000 đồng/người/buổi”.

Qua nghiên cứu, Sở Nội vụ nhận thấy:

Phương án 2 phù hợp với khoản 1 Điều 14a Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP. Tuy nhiên, việc thực hiện phương án 2 có một số hạn chế nhất định trong việc sử dụng nguồn kinh phí khoán, sẽ khó khăn cho cơ sở trong tổ chức thực hiện; mức chi cho cấp trưởng 4 tổ chức chính trị ở cơ sở không thống nhất.

Thực hiện phương án 1 tuy không phù hợp với khoản 1 Điều 14a Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được sửa đổi, bổ

sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, song khi thực hiện phương án 1 sẽ có những ưu điểm: Quy định rõ ràng việc sử dụng nguồn kinh phí khoán, mức chi cho cấp trưởng 4 tổ chức+ chính trị ở cơ sở đảm bảo thống nhất giữa các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; vì vậy, Sở Nội vụ chính sửa một số từ ngữ để phù hợp với quy định; đồng thời tiếp thu ý kiến tham gia của Sở Tài chính về mức khoán kinh phí hoạt động đã chỉnh sửa bổ sung như sau:

“Điều 5. Mức khoán kinh phí hoạt động và sử dụng kinh phí khoán; mức bồi dưỡng người thường xuyên trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố;

1. Mức khoán kinh phí hoạt động đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên hoặc thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự là 11.000.000 đồng/năm/thôn; thôn, tổ dân phố còn lại là 10.500.000 đồng/năm/thôn (tổ dân phố).

2. Sử dụng kinh phí khoán

a) Chi bồi dưỡng cho người thường xuyên trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố 150.000/người/tháng;

b) Chi bồi dưỡng cho người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố (trừ những người quy định tại điểm a khoản 2, điều này, những người được hưởng phụ cấp hằng tháng từ ngân sách nhà nước) tối thiểu 50.000 đồng/người/buổi;

c) Chi các hoạt động khác”.

VI. ĐỀ XUẤT

Căn cứ những ưu điểm, tác động của từng phương án và ý kiến tham gia của một số cơ quan, đơn vị (Sơn Dương, Na Hang, Hàm Yên, Thành phố, Sở Giao thông vận tải, Hội Nông dân tỉnh, Công an tỉnh) Sở Nội vụ đề nghị thực hiện phương án 1

Hồ sơ gửi kèm theo Tờ trình, gồm:

(1) Dự thảo Tờ trình, Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND;

(2) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia đối với dự thảo Nghị quyết; bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị;

(3) Bảng so sánh kinh phí thực hiện so với Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND

(4) Báo cáo thẩm định số...../BC-STP ngày...../..../2020 của Sở Tư pháp về kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND; Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định.

Nơi nhận:

- Như trên; (để trình)
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, XDCQ&CTTN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vũ Ngọc Khánh

BẢN TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ QUYẾT SỐ 01/2014/NQ-HĐND NGÀY 01/8/2019 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

	Ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan, đơn vị	Nội dung tiếp thu	Giải trình
1	2	2	3
1	21/28 cơ quan nhất trí sự cần thiết ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND tỉnh; nhất trí dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết	Sở Nội vụ tiếp thu	
2	07 ý kiến lựa chọn phương án 1 (<i>Sơn Dương, Na Hang, Hàm Yên, Thành phố, Sở Giao thông vận tải, Hội Nông dân tỉnh, Công an tỉnh</i>)	Sở Nội vụ tiếp thu	Đề nghị thực hiện phương án 1
	01 ý kiến của Huyện Sơn Dương đề nghị bổ sung chức danh Chủ tịch Hội người cao tuổi ở thôn, tổ dân phố và hỗ trợ 150,000 đồng/tháng	Đề nghị giữ nguyên theo dự thảo	Theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Người cao tuổi “ <i>Bộ Nội vụ chủ trì phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ nghiên cứu trình Chính phủ ban hành về tổ chức, chế độ, chính sách đối với người làm công tác người cao tuổi</i> ”. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại chưa có văn bản quy định, hướng dẫn để thực hiện. Đề nghị nội dung này thực hiện khi có quy định, hướng dẫn của Trung ương.
3	01 ý kiến của Hội cựu chiến binh tỉnh, đề nghị tăng mức hỗ trợ từ 150.000đồng/người/tháng lên 180.000đồng/người/tháng hoặc 200.000 đồng/người/tháng	Đề nghị giữ nguyên theo dự thảo	Kinh phí Trung ương khoán không bao gồm chi cho cấp trưởng của 4 tổ chức chính trị - xã hội; việc chi hỗ trợ cho đối tượng này thuộc ngân sách của địa phương cân đối. Vì vậy, mức chi cho cấp trưởng của 4 tổ chức chính trị - xã hội 150.000 đồng/người/tháng là phù hợp với tình hình ngân sách của địa phương.
4	Sở Tư pháp đề nghị sửa khoản 3 Điều 4 a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách mà giảm được người, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì được hưởng 70% hệ số phụ cấp chức danh kiêm nhiệm.	Tiếp thu chỉnh sửa	Bỏ điểm b vì không phù hợp với quy định tại điểm a, khoản 2a còn 2 điểm a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm một chức danh người hoạt động không chuyên trách hoặc kiêm nhiệm một chức danh khác ở thôn, tổ dân phố; b) Chức danh khác không phải là người hoạt động không chuyên trách được kiêm nhiệm một chức khác ở thôn, tổ dân phố”.

	Ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan, đơn vị	Nội dung tiếp thu	Giải trình
1	2	2	3
	b) Người hoạt động không chuyên trách vừa kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách vừa kiêm nhiệm chức danh khác được hưởng 100% hệ số phụ cấp chức danh khác và 70% hệ số phụ cấp chức danh người hoạt động không chuyên trách	Đề nghị giữ nguyên theo dự thảo	<i>Đề nghị giữ nguyên mức hưởng phụ cấp kiêm nhiệm và chỉnh sửa như sau:</i> Các trường hợp kiêm nhiệm tại khoản 2a Điều 4 Nghị quyết này mà giảm được 01 người, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì được hưởng 70% hệ số phụ cấp hoặc mức bồi dưỡng của chức danh kiêm nhiệm. Như vậy, mới đảm bảo mục tiêu tinh gọn hiệu lực hiệu quả, tăng thu nhập giảm chi ngân sách.
	Huyện Yên Sơn; Hội Nông dân tỉnh a) Cần làm rõ việc người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm chức danh khác Thôn đội trưởng, Công an viên, Bảo vệ dân phố, Nhân viên y tế	Tiếp thu chỉnh sửa	d) Những người thường xuyên trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố, gồm: Chi hội trưởng Phụ nữ, Chi hội trưởng Hội Nông dân, Bí thư Chi đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội trưởng Hội Cựu Chiến binh; Thôn đội trưởng, Công an viên, Bảo vệ dân phố, Nhân viên y tế (gọi tắt là chức danh khác).
	b) Về cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh người hoạt động chuyên trách ở thôn	Đề nghị giữ nguyên theo dự thảo	Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn thực hiện theo quy định Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND tỉnh.
6	Ý kiến của Sở Tài chính '- Đề nghị bổ sung báo cáo đánh giá tác động; '- Đề nghị quy định mức quy định đối với trường hợp kiêm nhiệm chức danh khác không phải là người hoạt động không chuyên trách; '- Về mức khoán kinh phí hoạt động đối với tổ chức chính trị ở thôn, tổ dân phố	Tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung	- Báo cáo số 466/BC-SNV ngày 06/10/2020 kết quả thực hiện Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND tỉnh '- Đã chỉnh sửa tại điểm b) khoản 4 nội dung giải trình ý kiến đề nghị của Sở Tư pháp; '- Mức khoán kinh phí hoạt động đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên hoặc thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự là 11.000.000 đồng/năm/thôn; thôn, tổ dân phố còn lại là 10.500.000 đồng/năm/thôn (tổ dân phố).

BIỂU SO SÁNH KINH PHÍ CHI CHO HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

(Kèm theo Tờ trình số/TTr-SNV ngày...../12/2020 của Sở Nội vụ)

Số TT	Nội dung	Theo Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND			Nội dung	Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND			Nội dung	Theo Nghị quyết sửa đổi		
		Số thôn	Hệ số	Thành tiền		Số thôn	Hệ số	Thành tiền		Số thôn	Hệ số	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I. Mức chi cho hoạt động của thôn, tổ dân phố												
	Thôn, tổ dân phố loại 1	202	1,2	436.320,000	Thôn từ 350 hộ trở lên				Thôn từ 350 hộ trở lên			
	Thôn, tổ dân phố loại 2	584	1,1	1.156.320,000	Thôn trọng điểm ANTT	168	4.000.000,000	672.000.000	Thôn trọng điểm ANTT	168	10.000.000	1.680.000.000
										168	4.000.000	672.000.000
	Thôn, tổ dân phố loại 3	947	1,0	1.704.600,000	Thôn, tổ dân phố còn lại	1565	3.500.000,000	5.477.500.000	Thôn, tổ dân phố còn lại	1565	9.500.000	14.867.500.000
										1565	3.500.000	5.477.500.000
	Cộng			3.297.240,000				6.149.500.000				16.547.500.000
II. Mức chi cho cấp trưởng 4 tổ chức chính trị xã hội												
	Chi hội Nông dân	1.733	0,15	4.647.906,000	Chi hội Nông dân				Chi hội Nông dân	1.733	200000	4.159.200.000
	Chi hội Phụ nữ	1.733	0,15	4.647.906,000	Chi hội Phụ nữ	Không chi			Chi hội Phụ nữ	1.733	200000	4.159.200.000
	Chi hội CCB	1.733	0,15	4.647.906,000	Chi hội CCB				Chi hội CCB	1.733	200000	4.159.200.000
	Chi hội Đoàn TN	1.733	0,15	4.647.906,000	Chi hội Đoàn TN				Chi hội Đoàn TN	1.733	200000	4.159.200.000
	Cộng			18.591.624,000				6.149.500.000				16.636.800.000
	Tổng chi			21.888.864,000								16.547.500.000
Kinh phí hoạt động của thôn, tổ dân phố sau khi chi cho cấp trưởng												
									Thôn trọng điểm ANTT			2.848.000
									Thôn, tổ dân phố còn lại			1.848,000
Tăng so với NQ số 01											10.398.000.000	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

Số: **SỐ NỘNHĐND**

ĐƯ THẢO

TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 01/2019/HĐND ngày 01/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chức danh, bố trí số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Pháp lệnh Công an xã ngày 21 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã.

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động

không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số.../TTr-UBND ngày...tháng...năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều Nghị quyết số 01/2019/HĐND ngày 01/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, bố trí số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số.../BC-HĐND ngày...tháng...năm 2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 01/2019/HĐND ngày 01/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chức danh, bố trí số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định chức danh, bố trí số lượng, mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã); mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức phụ cấp của từng chức danh; mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động và sử dụng kinh phí khoán đối với thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Những nội dung không được quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

d) Những người thường xuyên trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố, gồm: Chi hội trưởng Phụ nữ, Chi hội trưởng Hội Nông dân, Bí thư Chi đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội trưởng Hội Cựu Chiến binh; Thôn đội trưởng, Công an viên, Bảo vệ dân phố, Nhân viên y tế (gọi tắt là chức danh khác).

đ) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan”.

2.2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

a) Bổ sung tên Điều 4 như sau:

“Điều 4. Số lượng, chức danh, mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với chức danh khác”.

b) Bổ sung khoản 2a vào Điều 4 như sau:

“2a. Bố trí kiêm nhiệm chức danh

a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm một chức danh người hoạt động không chuyên trách hoặc kiêm nhiệm một chức danh khác ở thôn, tổ dân phố;

b) Chức danh khác không phải là người hoạt động không chuyên trách được kiêm nhiệm một chức khác ở thôn, tổ dân phố”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Mức phụ cấp kiêm nhiệm:

Các trường hợp kiêm nhiệm tại khoản 2a Điều 4 Nghị quyết này mà giảm được 01 người, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì được hưởng 70% hệ số phụ cấp hoặc mức bồi dưỡng của chức danh kiêm nhiệm.

2.3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

A. PHƯƠNG ÁN 1

“Điều 5. Mức khoán kinh phí hoạt động và sử dụng kinh phí khoán mức bồi dưỡng người thường xuyên trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố;

1. Mức khoán kinh phí hoạt động đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên hoặc thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự là 11.000.000 đồng/năm/thôn; thôn, tổ dân phố còn lại là 10.500.000 đồng/năm/thôn (tổ dân phố).

2. Sử dụng kinh phí khoán

a) Chi bồi dưỡng cho người thường xuyên trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố 150.000/người/tháng;

b) Chi bồi dưỡng cho người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố (trừ những người quy định tại điểm a khoản 2, điều này, những người được hưởng phụ cấp hằng tháng từ ngân sách nhà nước) 50.000 đồng/người/buổi;

c) Chi các hoạt động khác”.

* Ưu điểm:

- Mức khoán kinh phí cho hoạt động của thôn, tổ dân phố cao hơn so với quy định của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 (Trong đó đã bao gồm mức chi cho cấp trưởng 4 tổ chức chính trị xã hội ở thôn, tổ dân phố).

- Quy định rõ ràng việc sử dụng nguồn kinh phí khoán, tạo điều kiện cho cơ sở trong tổ chức thực hiện;

- Mức chi cho cấp trưởng 4 tổ chức chính trị ở cơ sở đảm bảo thống nhất giữa các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh;

- Mức chi cho người trực tiếp tham gia công việc của thôn cao hơn so với quy định của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 (50.000 đồng/người/buổi so với 25.000 đồng/người/buổi).

*** Tác động**

Ngân sách địa phương tăng 12.131.000.000 đồng/năm so với quy định của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019.

B. PHƯƠNG ÁN 2

“Điều 5. Mức khoán kinh phí hoạt động và sử dụng kinh phí khoán; mức bồi dưỡng người thường xuyên trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố;

Mức khoán kinh phí hoạt động đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên hoặc thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự là 11.000.000 đồng/năm/thôn; thôn, tổ dân phố còn lại là 10.500.000 đồng/năm/thôn (tổ dân phố); người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố (trừ những người đã được hưởng phụ cấp hằng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc đã được hưởng hỗ trợ) tối thiểu 50.000 đồng/người/buổi;

*** Ưu điểm:**

- Thôn, tổ dân phố chủ động sử dụng nguồn kinh phí khoán cho hoạt động.

- Mức chi cho người trực tiếp tham gia công việc của thôn cao hơn so với quy định của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 (50.000 đồng/người/buổi so với 25.000 đồng/người/buổi).

*** Tác động:**

- Không quy định rõ ràng việc sử dụng nguồn kinh phí khoán, khó khăn cho cơ sở trong tổ chức thực hiện;

- Không đảm bảo thống nhất giữa các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh trong thực hiện mức chi cho cấp trưởng 4 tổ chức chính trị ở cơ sở;

- Ngân sách địa phương tăng 12.131.000.000 đồng/năm so với quy định của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, kỳ họp thứ thông qua ngày ... tháng năm và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm/.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

.....

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chức danh, bố trí số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chức danh, bố trí số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định chức danh, bố trí số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (gọi tắt là Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND)

Thực hiện Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND, cấp ủy Đảng, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện việc bố trí số lượng, chức danh và thực hiện chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo đúng quy định. Việc sắp xếp, bố trí số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách đã giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo hướng tinh gọn, hợp lý, nâng cao thu nhập cho cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách, góp phần nâng cao

hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở; phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư. Tuy nhiên, sau một năm thực hiện Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND có một số khó khăn, vướng mắc sau:

1.1. Tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND quy định các chức danh Thôn đội trưởng, Công an viên, Bảo vệ dân phố, Nhân viên y tế được hưởng mức phụ cấp theo Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh; tuy nhiên, không quy định việc bố trí kiêm nhiệm, mức phụ cấp kiêm nhiệm của những chức danh này; trên thực tế một số địa phương vẫn bố trí người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm. Do đó, khó khăn cho công tác quản lý và thực hiện chế độ chính sách của địa phương.

1.2. Theo quy định tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND, cấp trưởng của 4 tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố gồm Chi hội Phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh không được hưởng hỗ trợ kinh phí hoạt động mà được hưởng mức bồi dưỡng khi tham gia trực tiếp công việc của thôn, tổ dân phố, mức hưởng quy định tối thiểu 25.000 đồng/người/buổi từ nguồn kinh phí khoán cho thôn, tổ dân phố và nguồn quỹ khác các tổ chức chính trị - xã hội; trong khi mức khoán cho hoạt động của thôn, tổ dân phố thấp, không đảm bảo để chi hỗ trợ cho cấp trưởng các tổ chức, vì vậy, hiệu quả cũng như chất lượng hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội ở thôn, tổ dân phố còn nhiều hạn chế. Cử tri có ý kiến, kiến nghị hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố.

2. Để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc của cơ sở khi thực hiện Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND, đồng thời thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở; phát huy vai trò tự quản ở cộng đồng dân cư, việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND Quy định chức danh, bố trí số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây gọi tắt là Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND) là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích

Đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, các công việc của thôn, tổ dân phố đều có người đảm nhiệm; phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư, tăng thu nhập và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

2. Quan điểm chỉ đạo

Đảm bảo tính thống nhất, phù hợp với Hiến pháp, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính

phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

Khắc phục khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện, đảm bảo tính kế thừa và phát triển các quy định của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND, phù hợp với pháp luật hiện hành và tình hình thực tiễn của địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Ngày 21/7/2020, Sở Nội vụ có Văn bản số 484/SNV-XDCQ&CTTN đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị liên quan đánh giá việc thi hành Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND. Trên cơ sở báo cáo đánh giá và kiến nghị, đề xuất của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan, Sở Nội vụ đã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 466/BC-SNV ngày 06/10/2020 kết quả thực hiện Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh, trong đó đã đánh giá những ưu điểm, hạn chế khi thực hiện Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND. Để giải quyết khó khăn, vướng mắc qua một năm thực hiện Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND, Sở Nội vụ đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND (Tờ trình số 440/TTr-SNV ngày 10/11/2020). Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo nghị quyết tại Văn bản số 3679/UBND-NC ngày 23/11/2020:

Quá trình soạn thảo, đã tổ chức nghiên cứu chủ trương, đường lối của Đảng, các quy định của pháp luật hiện hành, phân cấp của Chính phủ về quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố: Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND đã được gửi đến Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử, các cơ quan, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố để lấy ý kiến tham gia; kết quả Sở Nội vụ đã nhận được văn bản tham gia của 28/35 cơ quan, đơn vị. Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử không nhận được ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức và nhân dân từ hệ thống tiếp nhận thông tin. Trong đó: 28/28 cơ quan, đơn vị nhất trí về sự cần thiết ban hành và nội dung dự thảo Nghị quyết; 07/28 cơ quan, đơn vị đề nghị phương án 1; 01/28 ý kiến đề nghị tăng mức bồi dưỡng cho cấp

trường 4 tổ chức chính trị - xã hội từ 150.000 đồng/người/tháng lên 180.000 đồng/người/tháng đến 200.000 đồng/người/tháng.

Ngày 02/12/2020, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã tổ chức Hội nghị phản biện. Hội nghị nhất trí cao việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 01/2019/NQHĐND; tại Hội nghị có 11 ý kiến tham gia phản biện và nhất trí cao về sự cần thiết ban hành và nội dung dự thảo Nghị quyết đề nghị tăng mức hỗ trợ từ 150.000 đồng/người/tháng lên 200.000 đồng/người/tháng; đề nghị xem xét có chính sách hỗ trợ đối với Phó Chủ tịch Hội người cao tuổi ở cấp xã và Chi hội trưởng Hội người cao tuổi ở thôn, tổ dân phố.

Ngày 09/12/2020, Sở Nội vụ có Văn bản số 1077/SNV-XDCQ&CTTN đề nghị Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết; tại Báo cáo thẩm định số/BC-STP ngày/...../2020 về việcSở Nội vụ đã nghiên cứu, phân tích, tiếp thu có chọn lọc các ý kiến tham gia, để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức họp chuyên đề (ngày...../...../2020) và họp Ủy ban nhân dân tỉnh kỳ họp tháng 12 năm 2020 (ngày...../...../2020) về dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND. Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã báo cáo, xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy thông qua ngày/...../2020 và Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua ngày...../...../2020.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 03 điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2019/HĐND

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Điều 3. Hiệu lực thi hành

2. Nội dung cơ bản dự thảo Nghị quyết

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định chức danh, bố trí số lượng, mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã); mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức phụ cấp của từng chức danh; mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động và sử dụng kinh phí khoán đối với thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Những nội dung không được quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

d) Những người thường xuyên trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố, gồm: Chi hội trưởng Phụ nữ, Chi hội trưởng Hội Nông dân, Bí thư Chi đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội trưởng Hội Cựu Chiến binh; Thôn đội trưởng, Công an viên, Bảo vệ dân phố, Nhân viên y tế (gọi tắt là chức danh khác).

đ) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan”.

2.2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

a) Bổ sung tên Điều 4 như sau:

“Điều 4. Số lượng, chức danh, mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với chức danh khác”.

b) Bổ sung khoản 2a vào Điều 4 như sau:

“2a. Bố trí kiêm nhiệm chức danh

a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm một chức danh người hoạt động không chuyên trách hoặc kiêm nhiệm một chức danh khác ở thôn, tổ dân phố;

b) Chức danh khác không phải là người hoạt động không chuyên trách được kiêm nhiệm một chức danh khác ở thôn, tổ dân phố”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Mức phụ cấp kiêm nhiệm:

Các trường hợp kiêm nhiệm tại khoản 2a Điều 4 Nghị quyết này mà giảm được 01 người, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì được hưởng 70% hệ số phụ cấp hoặc mức bồi dưỡng của chức danh kiêm nhiệm.

2.3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

A. PHƯƠNG ÁN 1

“Điều 5. Mức khoán kinh phí hoạt động và sử dụng kinh phí khoán mức bồi dưỡng người thường xuyên trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố;

1. Mức khoán kinh phí hoạt động đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên hoặc thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự là 11.000.000 đồng/năm/thôn; thôn, tổ dân phố còn lại là 10.500.000 đồng/năm/thôn (tổ dân phố).

2. Sử dụng kinh phí khoán

a) Chi bồi dưỡng cho người thường xuyên trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố 150.000/người/tháng;

b) Chi bồi dưỡng cho người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố (trừ những người quy định tại điểm a khoản 2, điều này, những người được hưởng phụ cấp hằng tháng từ ngân sách nhà nước) 50.000 đồng/người/buổi;

c) Chi các hoạt động khác”.

*** Ưu điểm:**

- Mức khoán kinh phí cho hoạt động của thôn, tổ dân phố cao hơn so với quy định của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 (Trong đó đã bao gồm mức chi cho cấp trưởng 4 tổ chức chính trị xã hội ở thôn, tổ dân phố).

- Quy định rõ ràng việc sử dụng nguồn kinh phí khoán, tạo điều kiện cho cơ sở trong tổ chức thực hiện;

- Mức chi cho cấp trưởng 4 tổ chức chính trị ở cơ sở đảm bảo thống nhất giữa các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh;

- Mức chi cho người trực tiếp tham gia công việc của thôn cao hơn so với quy định của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 (50.000 đồng/người/buổi so với 25.000 đồng/người/buổi).

*** Tác động**

Ngân sách địa phương tăng 12.131.000.000 đồng/năm so với quy định của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019.

B. PHƯƠNG ÁN 2

“Điều 5. Mức khoán kinh phí hoạt động và sử dụng kinh phí khoán; mức bồi dưỡng người thường xuyên trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố;

Mức khoán kinh phí hoạt động đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên hoặc thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự là 10.000.000 đồng/năm/thôn; thôn, tổ dân phố còn lại là 9.000.000 đồng/năm/thôn (tổ dân phố); người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố (trừ những người đã được hưởng phụ cấp hằng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc đã được hưởng hỗ trợ) tối thiểu 50.000 đồng/người/buổi;

*** Ưu điểm:**

- Thôn, tổ dân phố chủ động sử dụng nguồn kinh phí khoán cho hoạt động.

- Mức chi cho người trực tiếp tham gia công việc của thôn cao hơn so với quy định của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 (50.000 đồng/người/buổi so với 25.000 đồng/người/buổi).

*** Tác động:**

- Không quy định rõ ràng việc sử dụng nguồn kinh phí khoán, khó khăn cho cơ sở trong tổ chức thực hiện;

- Không đảm bảo thống nhất giữa các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh trong thực hiện mức chi cho cấp trưởng 4 tổ chức chính trị ở cơ sở;

- Ngân sách địa phương tăng 12.131.000.000 đồng/năm so với quy định của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019.

3. Giao cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

4. Hiệu lực thi hành.

Hồ sơ gửi kèm theo Tờ trình, gồm:

(1) Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND;

(2) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia đối với dự thảo Nghị quyết; bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị;

(3) Báo cáo thẩm định số...../BC-STP ngày...../...../2020 của Sở Tư pháp về kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND; Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định.

Nơi nhận:

- Như trên; (Đề trình)
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

BIỂU SO SÁNH KINH PHÍ CHI CHO HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

(Kèm theo Tờ trình số/TTr-UBND ngày...../12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Nội dung	Theo Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND			Nội dung	Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND			Nội dung	Theo Nghị quyết sửa đổi		
		Số thôn	Hệ số	Thành tiền		Số thôn	Hệ số	Thành tiền		Số thôn	Hệ số	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I. Mức chi cho hoạt động của thôn, tổ dân phố												
	Thôn, tổ dân phố loại 1	202	1,2	436.320,000	Thôn từ 350 hộ trở lên				Thôn từ 350 hộ trở lên			
	Thôn, tổ dân phố loại 2	584	1,1	1.156.320,000	Thôn trọng điểm ANTT	168	4.000.000,000	672.000.000	Thôn trọng điểm ANTT	168	11.000.000	1.848.000.000
	Thôn, tổ dân phố loại 3	947	1,0	1.704.600,000	Thôn, tổ dân phố còn lại	1565	3.500.000,000	5.477.500.000	Thôn, tổ dân phố còn lại	1565	10.500.000	16.432.500.000
	Cộng			3.297.240,000				6.149.500.000				18.280.500.000
II. Mức chi cho cấp trường 4 tổ chức chính trị xã hội												
	Chi hội Nông dân	1.733	0,15	4.647.906,000	dân				Chi hội Nông dân	1.733	150000	3.119.400.000
	Chi hội Phụ nữ	1.733	0,15	4.647.906,000	Chi hội Phụ nữ	Không chi			Chi hội Phụ nữ	1.733	150000	3.119.400.000
	Chi hội CCB	1.733	0,15	4.647.906,000	Chi hội CCB				Chi hội CCB	1.733	150000	3.119.400.000
	Chi hội Đoàn TN	1.733	0,15	4.647.906,000	Chi hội Đoàn TN				Chi hội Đoàn TN	1.733	150000	3.119.400.000
	Cộng			18.591.624,000				6.149.500.000				12.477.600.000
	Tổng chi			21.888.864,000								18.280.500.000
Kinh phí hoạt động của thôn, tổ dân phố sau khi chi cho cấp trường												
									Thôn trọng điểm ANTT			3.800
									Thôn, tổ dân phố còn lại			3.300
									Tăng			12.131.000.000